Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ
Phần C: Khoa học Xã hội, Nhân văn và Giáo dục
website: ctujsvn.ctu.edu.vn

DOI:10.22144/ctu.jvn.2023.082

ĐÁNH GIÁ MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA THỰC HÀNH DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM VÀ HÀNH VI DỰ ĐỊNH DU LỊCH CÓ TRÁCH NHIỆM CỦA KHÁCH DU LỊCH

Nguyễn Thị Thanh Nga[1*], Lê Thị Thanh Xuân[2], Phan Thị Thuỳ Linh[3] và Đặng Thị Thuý Hiền[4]

[1]*Khoa Quản lý lữ hành, Trường Du lịch, Đại học Huế*

[2]*Khoa Du lịch, Trường Du lịch, Đại học Huế*

[3]*Khoa Khách sạn và Nhà hàng, Trường Du lịch, Đại học Huế*

[4]*Khoa Quản lý lữ hành, Trường Du lịch, Đại học Huế*

**Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thị Thanh Nga (email: nttnga@hueuni.edu.vn)*

Thông tin chung:
Ngày nhận bài: 17/10/2022
Ngày nhận bài sửa: 09/11/2022
Ngày duyệt đăng: 14/11/2022

Title:
Examining the correlation between responsible tourism practices and responsible tourism behavior intention of tourist

Từ khóa:
Du lịch có trách nhiệm, hành vi dự định, trách nhiệm của khách du lịch

Keywords:
Behavior intention, responsible tourism, tourist's responsibility

ABSTRACT

Responsible tourism has become popular and received the attention of many researchers, but few studies have investigated the relationship between customer engagement and responsible behavior. The purpose of this article is the relationship between tourist responsibility practices with the behavior intention of responsible tourism. In this study, tourism responsibility practices were examined from three perspectives: economic responsibility, sociocultural responsibility, and environmental responsibility. The 220 questionnaires were collected from domestic tourists to Thua Thien Hue and 200 questionnaires were used to analysis. A structural model measurement method using SmartPLS was used to test the hypotheses. The research results confirm the accepted hypothesis, that there is a positive relationship between tourist responsibility practice and responsible tourism behavioral intention. In particular, the element of responsibility to the environment plays a critical role in deciding the responsible behavior of tourists.

TÓM TẮT

Du lịch có trách nhiệm (DLCTN) đã trở nên phổ biến và nhận được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu nhưng còn ít nghiên cứu tìm kiếm mối quan hệ giữa sự tham gia của khách du lịch (KDL) và hành vi có trách nhiệm. Nghiên cứu này xem xét mối quan hệ giữa thực hành DLCTN của KDL với hành vi dự định DLCTN. Thực hành DLCTN của KDL được đánh giá dựa trên ba khía cạnh: trách nhiệm kinh tế, trách nhiệm văn hóa xã hội và trách nhiệm môi trường. Số liệu nghiên cứu là 220 bảng hỏi từ KDL nội địa đến Thừa Thiên Huế, trong đó 200 bảng hỏi hợp lệ để phân tích. Phương pháp đo lường mô hình cấu trúc với SmartPLS được sử dụng để kiểm tra các giả thuyết. Kết quả nghiên cứu khẳng định các giả thuyết được chấp nhận, có mối quan hệ tích cực giữa thực hành DLCTN với hành vi dự định DLCTN. Trong đó, yếu tố trách nhiệm với môi trường đóng một vai trò quan trọng trong việc quyết định hành vi có trách nhiệm của KDL.

1. GIỚI THIỆU

Từ thập niên 80 của thế kỷ XX, cộng đồng quốc tế đã nhận thức được những tác động tiêu cực của du lịch đại chúng đối với hoạt động kinh doanh, đa dạng sinh học, môi trường và con người. Du lịch đại chúng tác động đến nhiều vấn đề như ô nhiễm, lạm phát giá hàng hóa, thực phẩm (Pratama & Mandaasari, 2020). Nhìn chung, các tác động của du lịch đại chúng chủ yếu thuộc ba nhóm kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường. Vì vậy, khái niệm phát triển bền vững trong du lịch đã bắt đầu được đưa ra như một giải pháp thay thế cho du lịch đại chúng. Phát triển du lịch bền vững nhấn mạnh sự cần thiết phải giữ gìn truyền thống và bản sắc văn hóa xã hội của cộng đồng địa phương để bảo vệ môi trường, tạo ra công ăn việc làm cho người dân và tăng doanh thu cho các điểm đến, và cuối cùng là sự tham gia của cộng đồng địa phương vào quá trình ra quyết định du lịch (Medina, 2005). Khái niệm du lịch có trách nhiệm (DLCTN) xuất hiện cùng lúc với du lịch bền vững, nhằm thúc đẩy sự đa dạng văn hóa và sinh học, bảo tồn tài nguyên môi trường và thiên nhiên cả khi đi du lịch và trong cuộc sống. Bên cạnh đó, cách tiếp cận DLCTN là tạo ra những nơi ở tốt hơn và những nơi tốt hơn để tham quan (Goodwin, 2016). Leslie (2013) cho rằng DLCTN bao hàm trách nhiệm của tất cả những bên liên quan tham gia vào hoạt động du lịch như: doanh nghiệp du lịch, cộng đồng địa phương, tổ chức quản lý điểm đến (DMO) và khách du lịch (KDL). Chính vì vậy, DLCTN có thể được xem xét từ các góc độ khác nhau từ phía cung hoặc phía cầu (Frey & George, 2010). Mondal và Samaddar (2020) cũng khẳng định DLCTN liên quan đến hành động và ý thức của tất cả các bên liên quan hướng tới du lịch bền vững, trong đó coi ba trụ cột của bền vững là: thiên nhiên, cộng đồng địa phương và kinh tế. Theo Mihalic (2016), việc áp dụng tính bền vững trong du lịch không chỉ đòi hỏi phải xem xét trách nhiệm kinh tế, xã hội và môi trường của du lịch mà còn phải xem xét trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh du lịch đối với KDL. Vai trò trách nhiệm của DLCTN từng bước làm giảm các tác động bất lợi về kinh tế, văn hóa xã hội và sinh thái. Một nghiên cứu của Dogru et al. (2022) về tác động của COVID-19 đối với các doanh nghiệp du lịch đã kết luận rằng, các doanh nghiệp có phương thức kinh doanh bền vững có khả năng chống chịu tốt hơn với các cú sốc như đại dịch. Hơn nữa, phát triển du lịch sẽ không bền vững nếu không có hành vi có trách nhiệm (Grossmann et al., 2021) nên DLCTN được coi là một sản phẩm thích hợp để phát triển du lịch bền vững và tránh được các tác động tiêu cực từ dịch bệnh.

Một số nghiên cứu đã được công bố trong những thập kỷ gần đây về DLCTN, phân tích khái niệm, các khía cạnh cơ bản và các yếu tố ảnh hưởng cũng như phân tích DLCTN từ góc độ cung và cầu (Blackstock et al., 2009). Mặc dù vậy, một số nghiên cứu đã xem xét liệu KDL có sẵn sàng áp dụng các hành vi bền vững hơn hay không (Budeanu, 2007; Stanford, 2008; Caruana et al., 2014; Lee et al., 2017; Nguyen et al., 2018; Gong et al., 2019; Eichelberger et al., 2021; Parikshat et al., 2021; Hu & Sung, 2022) và những rào cản nào ngăn họ thực hiện trách nhiệm (Goodwin & Francis, 2003; Budeanu, 2007; Bramwell et al., 2008; Carasuk et al., 2016). Vì vậy, vẫn cần nghiên cứu sâu hơn để hiểu rõ hơn điều gì thúc đẩy một khách DLCTN, trách nhiệm được chuyển thành các thực hành cụ thể như thế nào và các thực hành này được đo lường như thế nào (Stanford, 2008). Điều này đặc biệt cần thiết được nghiên cứu tại Thừa Thiên Huế, Việt Nam, nơi DLCTN phần lớn chưa được khám phá và ít nhà nghiên cứu quan tâm đến nó (Vu, 2015; Nguyen, 2018; Nguyen et al., 2018; Trang & Thảo, 2018; Nguyệt, 2021; Bui et al., 2022; Nguyen et al., 2022). Trong thời đại đầy biến động của đại dịch COVID-19 và phát triển bền vững, du lịch nội địa có lợi hơn du lịch quốc tế ở nhiều nước đang phát triển và dễ dàng tiếp cận hơn để khảo sát. Vì vậy, KDL trong nước được tập trung khảo sát. Để ghi nhận thái độ của KDL đối với DLCTN, nghiên cứu này được thực hiện dựa trên các đánh giá của KDL về thực hành DLCTN, hành vi dự định DLCTN và lựa chọn chương trình du lịch. Những phát hiện của nghiên cứu này có thể góp phần vào cuộc tranh luận khoa học nhằm khám phá sự khác biệt giữa hành vi dự định với thực hành DLCTN. Do đó, DLCTN được thúc đẩy bằng cách khuyến khích các bên liên quan cùng phát triển DLCTN.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thu thập dữ liệu

Nghiên cứu này xem xét mối quan hệ giữa trách nhiệm kinh tế, trách nhiệm xã hội, trách nhiệm môi trường, hành vi có trách nhiệm và việc lựa chọn các chuyến tham quan DLCTN. Trước khi thu thập dữ liệu chính, một nghiên cứu thử nghiệm đã được thực hiện với 20 người trả lời. Xem xét tính thực tế, tài chính và thời hạn, phương pháp lấy mẫu này là thuận tiện. Lượng KDL quốc tế đến Thừa Thiên Huế giảm đáng kể do hậu quả của đại dịch Covid-19. Kết quả là không thể thu hút KDL quốc tế. Do đó, cuộc khảo sát chỉ dành cho KDL trong nước.

Quy mô mẫu được xác định dựa theo quy tắc cỡ mẫu của PLS SEM, kích thước mẫu được xác định

phải gấp 10 lần số mũi tên trỏ vào một cấu trúc. Vì vậy, với mô hình nghiên cứu đề xuất thì kích thước mẫu tối thiểu là 200 mẫu. Để đảm bảo quy mô mẫu tối thiểu, 220 phiếu khảo sát được thu thập. Tại Thừa Thiên Huế, dữ liệu được thu thập từ các điểm du lịch khác nhau như: Đại Nội, chùa Thiên Mụ, chợ Đông Ba, lăng Gia Long, lăng Khải Định, lăng Tự Đức, lăng Minh Mạng, bãi biển Thuận An, bãi biển Lăng Cô, và Vườn Quốc gia Bạch Mã trong 3 tháng từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2022. Trong nghiên cứu này, KDL được hỏi những câu hỏi liên quan đến thực hành trách nhiệm của KDL trong chuyến đi đối với kinh tế, văn hoá xã hội và môi trường của địa phương và ý định tham gia DLCTN. KDL đưa ra ý kiến của mình dựa trên thang điểm Likert từ 1 đến 5 tương ứng với mức độ "Hoàn toàn không đồng ý" đến "Hoàn toàn đồng ý". Các phản hồi trùng lặp, hay bị bỏ trống, hoặc đánh giá không đầy đủ đã bị loại bỏ, cuối cùng 200 phiếu khảo sát là hợp lệ đã được sử dụng để phân tích dữ liệu.

2.2. Phương pháp phân tích đường dẫn (path-analysis) – mô hình cấu trúc (SEM)

Mục tiêu chính của nghiên cứu này là xác định các biến cốt lõi của hoạt động DLCTN ảnh hưởng như thế nào đến ý định của hành vi DLCTN. Mục đích thứ yếu là khám phá vai trò điều tiết của hành vi dự định có trách nhiệm của KDL trong mối quan hệ với thực hành DLCTN của KDL thông qua trách nhiệm với môi trường, kinh tế và văn hoá xã hội. Trước tiên, phần mềm SPSS 22.0 được sử dụng để phân tích dữ liệu mô tả. Để kiểm tra giả thuyết, phần mềm Smart-PLS 3.0 được sử dụng để đánh giá mô hình đo lường và mô hình cấu trúc. So với phương pháp mô hình hóa phương trình cấu trúc bình phương dựa trên hiệp phương sai, PLS-SEM phù hợp hơn để xây dựng mô hình lý thuyết và có hiệu quả cao trong ước lượng tham số (Hair et al., 2019).

Thang đo nghiên cứu

Nghiên cứu này tham khảo thang đo đánh giá trách nhiệm của KDL đối với văn hoá xã hội của các nghiên cứu trước đây (Elgaaied et al., 2013; Olga & Aneta, 2014) với các biến quan sát như: KDL đề cập đến các phong tục và truyền thống địa phương với sự tôn trọng, tìm kiếm thông tin văn hóa, học các cụm từ cơ bản trong ngôn ngữ địa phương, giao tiếp với người dân địa phương và tránh các hành vi trái đạo đức như một phần trách nhiệm xã hội của họ.

Bảng 1. Thang đo nghiên cứu

Mã hoá	Thang đo
Trách nhiệm kinh tế	
ECR1	Tôi ăn uống tại các nhà hàng địa phương đóng góp vào nền kinh tế địa phương.
ECR2	Tôi mua các sản phẩm địa phương thúc đẩy kinh tế địa phương
ECR3	Tôi lưu trú tại các cơ sở lưu trú tại địa phương góp phần thúc đẩy nền kinh tế khu vực
ECR4	Tôi sử dụng dịch vụ của các công ty du lịch địa phương đóng góp vào nền kinh tế địa phương
Trách nhiệm văn hoá xã hội	
SOCULR1	Tôi tôn trọng các phong tục và truyền thống của địa phương
SOCULR2	Tôi tìm hiểu về văn hóa của địa phương nơi tôi đến du lịch
SOCULR3	Tôi học các cụm từ cơ bản bằng ngôn ngữ của quốc gia / khu vực tôi đến du lịch
SOCULR4	Tôi trò chuyện, giao lưu với người dân địa phương nơi tôi đến du lịch
SOCULR5	Tôi không thực hiện các hành vi phi đạo đức và không vi phạm thuần phong mỹ tục (ví dụ: mại dâm, sử dụng lao động trẻ em,….)
Trách nhiệm môi trường	
ENVR1	Tôi đi bộ hoặc đi xe đạp để giảm lượng khí thải CO_2 giúp bảo vệ môi trường.
ENVR2	Tôi vứt rác vào các thùng chứa, nếu có thể thì vứt rác theo từng loại
ENVR3	Tôi tránh sử dụng bao bì dùng một lần, đặc biệt là đồ nhựa
ENVR4	Tôi tuân theo các quy tắc của các điểm tham quan du lịch
ENVR5	Tôi sử dụng tiết kiệm nước và điện trong quá trình đi du lịch
ENVR6	Tôi xem xét việc đi vào khu vực có vẻ đẹp tự nhiên độc đáo nhưng không tác động tiêu cực đến nó
Ý định tham gia DLCTN	
RBI1	Tôi sẽ tham gia DLCTN
RBI2	Tôi sẵn sàng tham gia DLCTN.
RBI3	Tôi sẽ cố gắng tham gia DLCTN
RBI4	Tôi dự định đầu tư thời gian và tiền bạc để tham gia DLCTN

Thang đo đánh giá trách nhiệm của KDL đối với kinh tế địa phương được đánh giá dựa trên các yếu tố sử dụng dịch vụ địa phương của khách du lịch (Chao, 2012). Để đo lường trách nhiệm với môi trường của KDL, nghiên cứu tham khảo các thang đo từ các nghiên cứu của Goodwin & Francis (2003); Chao (2012); Lee et al. (2013); Olga & Aneta (2014). Thang đo trách nhiệm môi trường liên quan đến việc KDL giảm phát thải khí CO_2 bằng cách đi bộ hoặc đi xe đạp; vứt rác vào thùng rác; loại bỏ rác thải nhựa, bao bì dùng một lần; tiêu thụ điện và nước một cách hiệu quả, tiết kiệm. KDL tuân theo các quy tắc của các khu bảo tồn và cân nhắc các tác động tiêu cực có thể ảnh hưởng đến môi trường trước khi vào tham quan du lịch.

Về hành vi dự định DLCTN của KDL, thang đo được tham khảo từ nghiên cứu của Song & Kim (2018); Diallo et al. (2015) đề cập đến mức độ tham gia DLCTN của KDL từ ý định sẽ tham gia, sẵn sàng tham gia, nỗ lực để tham gia, đầu tư tiền bạc và thời gian để tham gia và giới thiệu DLCTN cho những người khác cùng tham gia.

Để các biến đo lường phù hợp với bối cảnh nghiên cứu tại Thừa Thiên Huế, Việt Nam, nghiên cứu này đã thực hiện một cuộc khảo sát đánh giá và đề xuất thang đo với các chuyên gia du lịch. Từ kết quả phỏng vấn, thang đo đã được làm rõ và phù hợp với bối cảnh tại Thừa Thiên Huế, Việt Nam. Ngay sau khi hoàn thành bảng câu hỏi, một nhóm KDL được phỏng vấn thử để trao đổi quan điểm, diễn giải và thông tin. Kết quả là một số câu hỏi đã được định dạng lại để phù hợp hơn với khả năng hiểu và phản hồi thông tin của KDL.

Mô hình nghiên cứu và các giả thuyết

Vai trò của DLCTN được đề cập trong một số nghiên cứu rằng: Du lịch bền vững đòi hỏi hành vi có trách nhiệm để bảo tồn các giá trị văn hóa bản địa và cảnh quan (Mondal & Samaddar, 2021; Um & Yoon, 2021) và hành vi có trách nhiệm cần phải được thực hiện bởi tất cả các bên liên quan để duy trì tính bền vững (Mathew & Kuriakose, 2017; Um & Yoon, 2021). Vì vậy, khái niệm DLCTN là hành vi và thái độ được thể hiện bởi tất cả các bên trong chuỗi giá trị du lịch. Ở góc độ KDL, các chuyên gia nên kiểm tra và phân tích các yếu tố mà KDL xác định ảnh hưởng đến trách nhiệm du lịch và mức độ tác động của nó. Dựa trên cách tiếp cận từ du lịch bền vững, hành vi DLCTN liên quan đến các hành động hỗ trợ các yếu tố kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường và thể chế chính sách của điểm đến du lịch (Mihalic, 2016). Trong khi các nhà nghiên cứu khác kiểm tra các hoạt động DLCTN ở ba khía cạnh: kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường (Fennell, 2006; Stanford, 2008; Caruana et al., 2014; Farmaki et al., 2014; Mihalic, 2016; Lee et al., 2017; Pratama & Mandaasari, 2020). Do đó, nghiên cứu này điều tra các mối quan hệ giữa các hành vi kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường với ý định có trách nhiệm. Một mô hình nghiên cứu được đề xuất (Hình 1).

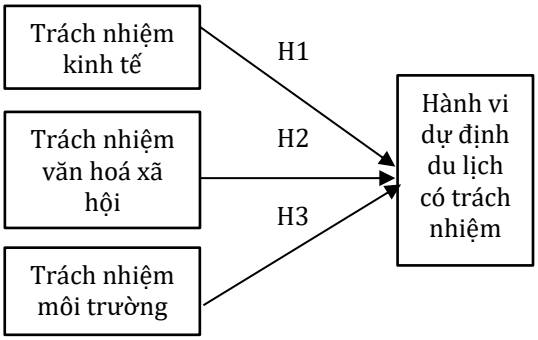

Hình 1. Mô hình giả thiết

Ảnh hưởng của trách nhiệm kinh tế đối với hành vi dự định có trách nhiệm của KDL

Trách nhiệm kinh tế của du lịch là cách KDL sử dụng các dịch vụ và sản phẩm địa phương, đóng góp cho kinh tế của điểm đến du lịch. Tương tự, tác giả Medina (2005) và Tao et al. (2004) giải thích trách nhiệm kinh tế là các hành vi hướng đến việc đóng góp kinh tế cho cộng đồng địa phương, chẳng hạn như mua và tiêu dùng hàng hóa trong nước. Trong nghiên cứu khác của Gong et al. (2019), công cụ đo lường trách nhiệm kinh tế ở cấp cộng đồng, sử dụng các chỉ số trách nhiệm theo bốn chủ đề khác nhau: dịch vụ địa phương, cơ sở vật chất khu vực, sản phẩm địa phương và hoạt động từ thiện. Những phát hiện của Lee et al. (2017) chỉ ra rằng KDL có nhiều kinh nghiệm du lịch hơn có nhiều khả năng đưa ra các quyết định có lợi về mặt đạo đức. Vì vậy, nghiên cứu đã đưa ra giả thiết đầu tiên như sau:

H1: Trách nhiệm kinh tế ảnh hưởng tích cực đến ý định của KDL đối với hành vi DLCTN.

Ảnh hưởng của trách nhiệm văn hóa xã hội đến hành vi dự định có trách nhiệm của KDL

Theo Witkowski và Reddy (2010), sự tham gia đóng góp vào văn hóa xã hội của địa phương làm nền tảng cho hành vi có trách nhiệm trong nhiều bối cảnh khác nhau. Bên cạnh đó, các Fiorello (2011) đã nhấn mạnh sự tham gia của người tiêu dùng vào các hoạt động cộng đồng và xã hội, thái độ của người dân bị thay đổi do kết quả của các hoạt động này. Những phát hiện của Diallo et al. (2015) chỉ ra rằng KDL tham gia vào văn hóa - xã hội có xu hướng đưa ra các quyết định tham gia DLCTN khi có đầy đủ thông tin. Để thúc đẩy các hành vi có trách nhiệm,

sự tham gia vào văn hóa xã hội sẽ thúc đẩy khả năng nhận thức và cảm nhận của KDL. Các tác giả này nhận thấy rằng KDL có động cơ xã hội để hành động ủng hộ DLCTN (Song & Kim, 2018; Prendergast & Tsang, 2019; Purnamawati et al., 2022). Vì vậy, nghiên cứu đề xuất giả thiết thứ hai như sau:

H2. Trách nhiệm văn hóa xã hội của KDL ảnh hưởng trực tiếp và tích cực đến hành vi dự định có trách nhiệm của họ

Ảnh hưởng của trách nhiệm môi trường đối với hành vi dự định có trách nhiệm của KDL

Khi du lịch phát triển nhanh chóng sẽ gây áp lực rất lớn lên môi trường, làm tăng lượng khí thải carbon, xói mòn đất và phú dưỡng nước. Những vấn đề này có thể được giải quyết bằng cách sửa đổi các hành vi của con người để bảo vệ, cải thiện môi trường đòi hỏi KDL phải thay đổi hành vi (mua, tiêu dùng và tiếp cận các sản phẩm theo cách bền vững với môi trường) (Wang et al., 2020). Điều này đã thúc đẩy người tiêu dùng và giới học thuật tăng cường chú trọng đến tính bền vững của môi trường (Garvey & Bolton, 2017). Các nhà nghiên cứu đã xác định một tập hợp các yếu tố góp phần vào hành vi có trách nhiệm với môi trường của KDL dựa trên lý thuyết giá trị-niềm tin-chuẩn mực, bao gồm mối quan tâm về môi trường, nhận thức về hậu quả và trách nhiệm (Wu et al., 2022). Hơn nữa, hành vi môi trường bị ảnh hưởng đáng kể bởi hành vi dự định dựa trên mô hình dự đoán hành vi môi trường của con người (Chao, 2012; Wang et al., 2018; Zhao et al., 2018; Panwanitdumrong & Cheng, 2021). Vì vậy, nghiên cứu đặt ra giả thiết thứ ba như sau:

H3: Trách nhiệm với môi trường ảnh hưởng tích cực đến ý định của KDL đối với hành vi DLCTN.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng, tỷ lệ khách nữ và nam không có sự chệnh lệch lớn, tương ứng với tỷ lệ lần lượt là 55,0% và 44,5%. Đa số người được hỏi ở độ tuổi từ 18-30 (66,5%) vì nghiên cứu được thực hiện ngay sau khi du lịch Việt Nam mới bắt đầu mở cửa trở lại sau thời gian dài bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 nên KDL trẻ tuổi đã đi du lịch trở lại trong khi KDL lớn tuổi thận trọng hơn trong quyết định đi du lịch tại thời điểm này. Phần lớn KDL được khảo sát có trình độ phổ thông và cử nhân trở lên. Điều này cho thấy KDL có trình độ học vấn tốt để tham gia khảo sát. KDL được khảo sát có nghề nghiệp khác nhau và chiếm tỷ trọng khá tương đương giữa các nhóm công chức, viên chức, kinh doanh và lao động phổ thông.

Bảng 2. Đặc điểm của đối tượng khảo sát

Tiêu chí		Tần suất	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nữ	110	55,0
	Nam	90	45,0
Độ tuổi	Dưới 18 tuổi	17	8,5
	Từ 18 đến 30 tuổi	133	66,5
	Từ 31 tuổi đến 50 tuổi	41	20,5
	Trên 50 tuổi	9	4,5
Trình độ văn hoá	Phổ thông	55	27,5
	Đại học	118	59,0
	Sau đại học	21	10,5
	Khác	6	3,0
Nghề nghiệp	Kinh doanh	64	32,0
	Lao động phổ thông	37	18,5
	Công chức, viên chức	47	23,5
	Học sinh, sinh viên	34	17,0
	Nghỉ hưu	10	5,0
	khác	8	4,0
Tổng cộng		200	100

3.2. Mô hình đo lường

Độ tin cậy và tính hợp lệ của các cấu trúc đã được đánh giá nghiêm ngặt bằng cách sử dụng Cronbach Alpha và độ tin cậy tổng hợp (CR) vì chúng được thúc đẩy bởi các tài liệu học thuật về việc áp dụng PLS-SEM (Hair et al., 2019). Nhiều nhà nghiên cứu ủng hộ CR hơn Cronbach's Alpha vì CR đánh giá độ tin cậy tốt hơn Cronbach's Alpha. Trong các nghiên cứu thăm dò, CR ít nhất là 0,6 được khuyến nghị, trong khi trong các nghiên cứu khác khẳng định CR ít nhất là 0,7. Thông tin chi tiết về độ tin cậy tổng hợp được thể hiện trong (Bảng 3), trong đó CR tối thiểu và tối đa lần lượt là 0,897 và 0,906 đáp ứng các yêu cầu cơ bản về độ tin cậy tổng hợp. Tất cả các hệ số tải nhân tố của mô hình cấu trúc phải được đo lường và yêu cầu lớn hơn 0,6 để xác định độ tin cậy của chỉ số. Kết quả phân tích cho thấy tất cả hệ số tải của các biến số đều trên 0,6, với hệ số tải nhỏ nhất là 0,734 và hệ số tải lớn nhất là 0,871. Tính hiệu lực về sự hội tụ (Convergent Validity) có thể đo lường thông qua giá trị phương sai trích trung bình (Average Variance Extracted – AVE). Chỉ số này đo lường phương sai trung bình được chia sẻ giữa cấu trúc và các biến riêng lẻ của nó. Tiêu chí cho AVE phải có giá trị lớn hơn 0,5. Trong nghiên cứu này, đánh giá phương sai trích trung bình (AVE) của các biến tiềm ẩn đều vượt ngưỡng 0,5, với giá trị AVE từ 0,610 đến 0,707. Do đó các biến tiềm ẩn đều được giữ lại để tiến hành các phân tích tiếp theo.

Bảng 3. Kết quả phân tích mô hình

	VIF	Hệ số tải	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Độ tin cậy (Cronbach's Alphaα)	Giá trị phương sai trích trung bình (AVE)
Trách nhiệm kinh tế			0,906	0,861	0,707
ECR1	1,994	0,839			
ECR2	2,295	0,871			
ECR3	2,316	0,865			
ECR4	1,723	0,786			
Trách nhiệm văn hoá xã hội			0,903	0,866	0,652
SOCULR1	1,767	0,779			
SOCULR2	2,017	0,810			
SOCULR3	2,056	0,823			
SOCULR4	2,497	0,840			
SOCULR5	2,074	0,783			
Trách nhiệm môi trường			0,903	0,872	0,610
ENVR1	2,152	0,800			
ENVR2	2,038	0,759			
ENVR3	2,024	0,804			
ENVR4	2,118	0,820			
ENVR5	1,794	0,734			
ENVR6	1,736	0,764			
Ý định tham gia Du lịch có trách nhiệm			0,897	0,857	0,636
RBI1	1,746	0,753			
RBI2	1,792	0,792			
RBI3	1,895	0,783			
RBI4	2,200	0,814			
RBI5	2,247	0,843			

Để đánh giá sự tồn tại của giá trị phân biệt của các biến tiềm ẩn, đánh giá chỉ số HTMT được thực hiện. Kết quả được thể hiện ở Bảng 4 – ma trận Heterotrait-Monotrait với chỉ số HTMT đều nhỏ hơn 0,90. Đánh giá ma trận hệ số tải chéo cho thấy hệ số tải của các biến quan sát đều lớn hơn hệ số tải chéo còn lại. Nhìn chung, các kết quả kiểm định thang đo cho thấy mô hình đo lường có ý nghĩa thống kê.

Bảng 4. Ma trận Heterotrait – Monotrait

	Trách nhiệm văn hoá xã hội	Trách nhiệm kinh tế	Trách nhiệm môi trường	Hành vi dự định DLCTN
Trách nhiệm văn hoá xã hội	**0,807**			
Trách nhiệm kinh tế	0,715	**0,841**		
Trách nhiệm môi trường	0,678	0,633	**0,781**	
Hành vi dự định DLCTN	0,694	0,680	0,732	**0,798**

3.3. Phân tích đường dẫn mô hình cấu trúc

Nghiên cứu này chứng minh bản chất của phân tích đường dẫn, còn được gọi là mô hình cấu trúc, liên quan đến sự phù hợp của mô hình. Trong phân tích này, mối quan hệ nhân quả giữa các cấu trúc nghiên cứu được đánh giá, hành vi dự định DLCTN (RBI) có tác động hoặc ảnh hưởng bởi các cấu trúc như Trách nhiệm kinh tế (ECR), Trách nhiệm văn hóa xã hội (SOCULR) và Trách nhiệm môi trường (ENVR). Bảng 5 dưới đây cho thấy các hệ số đường dẫn (β), các giá trị có ý nghĩa; giá trị T trên 1,96 (hoặc giá trị P trên 0,05) cho mô hình nghiên cứu. Hơn nữa, sức mạnh dự báo liên quan đến mô hình nghiên cứu xác định các giá trị của mô hình hồi quy cũng đã được đánh giá. Trong bảng và hình sau, R^2 cho biến dự đoán (hành vi dự định DLCTN) là 63,1%.

Bảng 5. Kết quả đánh giá mô hình cấu trúc

Giả thuyết	Hệ số (β)	Kết quả bootstrap tiêu chuẩn				
		Giá trị trung bình	Sai số và phần dư	Giá trị t	mức độ giải thích f^2	Giá trị P
H1: ECR -> RBI	0,248	0,247	0,068	3,658	0,076	0,000
H2: SOCULR -> RBI	0,236	0,233	0,069	3,434	0,062	0,001
H3: ENVR -> RBI	0,415	0,421	0,066	6,318	0,234	0,000
Kết quả phân tích hệ số xác định		R^2 0,637			R^2 hiệu chỉnh 0,631	

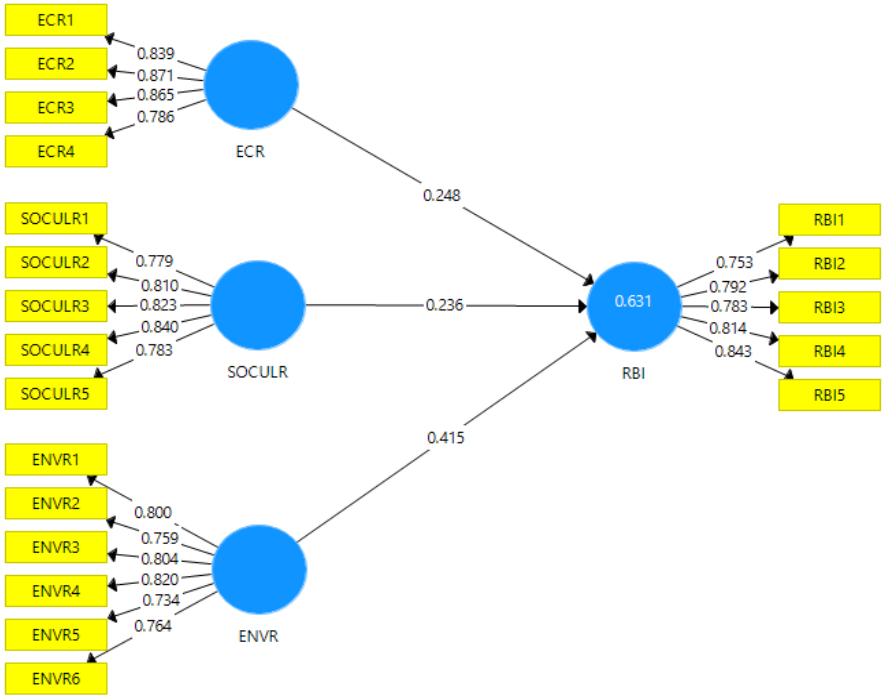

Hình 2. Kết quả phân tích mô hình đường dẫn

Kết quả phân tích cho thấy nghiên cứu đã đạt được mục tiêu xem xét sự tác động giữa thực hành DLCTN (gồm trách nhiệm đối với môi trường, kinh tế, văn hóa xã hội) và hành vi dự định DLCTN của KDL. Kết quả kiểm định các giả thuyết cho cả ba giả thuyết đều được chấp nhận.

Giả thuyết H1 - Trách nhiệm kinh tế ảnh hưởng tích cực đến ý định của KDL đối với hành vi DLCTN. Kết quả ước lượng cho thấy giả thuyết được chấp nhận với hệ số đường dẫn lần lượt là 0,248 (p <0,00). Điều này cho thấy rằng thực hành trách nhiệm kinh tế của KDL ảnh hưởng đến hành vi dự định DLCTN. Nếu KDL có thực hành trách nhiệm kinh tế càng tốt thì sẽ có hành vi dự định DLCTN càng cao.

Giả thuyết H2 - Trách nhiệm văn hóa xã hội của KDL ảnh hưởng trực tiếp và tích cực đến hành vi dự định có trách nhiệm. Kết quả ước lượng cho thấy giả thuyết được chấp nhận với hệ số đường dẫn lần lượt là 0,236 (p <0,001). Điều này cho thấy rằng thực hành trách nhiệm văn hoá xã hội của KDL càng cao thì hành vi dự định DLCTN càng cao.

Giả thuyết H3 - Trách nhiệm với môi trường ảnh hưởng tích cực đến ý định của KDL đối với hành vi DLCTN. Kết quả ước lượng cho thấy giả thuyết được chấp nhận với hệ số đường dẫn lần lượt là 0,415 (p <0,00). Điều này cho thấy thực hành trách nhiệm môi trường của KDL có tác động đáng kể đến hành vi dự định DLCTN. Nếu KDL có thực hành trách nhiệm môi trường càng tốt thì hành vi dự định DLCTN càng cao.

4. KẾT LUẬN

Mục đích của nghiên cứu này là đánh giá mối quan hệ giữa thực hành du lịch có trách nhiệm và ý định tham gia du lịch có trách nhiệm. Nghiên cứu đã

xem xét tác động của trách nhiệm môi trường, văn hóa xã hội và kinh tế của khách du lịch đối với hành vi dự định du lịch. Kết quả cho thấy tất cả các giả thiết đều được chấp nhận, ý định tham gia vào du lịch có trách nhiệm của khách du lịch bị ảnh hưởng bởi trách nhiệm kinh tế, trách nhiệm văn hóa xã hội và trách nhiệm môi trường.

Giả thuyết (H1) cho rằng trách nhiệm kinh tế có liên quan tích cực đến hành vi dự định DLCTN, tạo ra mối tương quan thuận với giá trị p là (0,000) và (β = 0,248). Nói cách khác, trách nhiệm kinh tế ảnh hưởng một chút đến ý định tham gia vào hành vi DLCTN. Theo Parikshat et al. (2021) thực hành DLCTN cũng có tác động đến trách nhiệm kinh tế, mặc dù mức độ tác động cao hơn một chút (β = 0,36). Theo Medina (2005) và Tao et al. (2004), hàng hóa địa phương có thể đóng góp kinh tế cho cộng đồng nếu KDL mua và tiêu dùng tại địa phương.

Theo giả thuyết thứ hai, trách nhiệm văn hóa xã hội sẽ ảnh hưởng đến hành vi DLCTN. Giả thuyết này được hỗ trợ bởi mối tương quan thuận với giá trị p là (0,001) và (β = 0,236). Kết quả của nghiên cứu này phù hợp với phát hiện của Kim et al. (2020), chứng minh rằng hành vi ủng hộ xã hội ảnh hưởng đến thái độ của KDL đối với DLCTN. Một phát hiện khác của Diallo et al. (2015) chỉ ra rằng KDL tham gia vào văn hóa xã hội có xu hướng đưa ra những lựa chọn tiêu dùng DLCTN.

Kết quả nghiên cứu này tương tự như các nghiên cứu trước đó (Choi et al., 2017; Wang et al., 2018; Zhao et al., 2018; Panwanitdumrong & Cheng, 2021) cho thấy trách nhiệm đối với môi trường ảnh hưởng đáng kể đến quyết định của khách hàng về DLCTN (β = 0,415, p <0,05).

Kết luận của nghiên cứu này có ý nghĩa quan trọng đối với chính quyền địa phương, các công ty lữ hành và các nhà nghiên cứu. Nghiên cứu cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về cuộc tranh luận khoa học về DLCTN, chứng minh rằng thực hành DLCTN và hành vi DLCTN có liên quan với nhau. Mặt khác, những kết quả này cung cấp gợi ý cho các nhà khai thác tư nhân và nhà nước quan tâm đến việc thúc đẩy các chương trình DLCTN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Blackstock, K. L., White, V., McCrum, G., Scott, A. & Hunter, C. (2008). "Measuring Responsibility: An Appraisal of a Scottish National Park's Sustainable Tourism Indicators." *Journal of Sustainable Tourism 16* (3): 276–297. https://doi.org/10.1080/09669580802154090

Bramwell, B., Lane, B., McCabe, S., Mosedale, J., & Scarles, C. (2008). Research perspective on responsible tourism. Journal of Sustainable Tourism, 16(3), 253–257. https://doi.org/10.1080/09669580802208201

Budeanu, A. (2007), Sustainable tourist behaviour: A discussion of opportunities for change, *International Studies of Consumer Studies, 31*, 499–508. https://doi.org/10.1111/j.1470-6431.2007.00606.x

Bui, Q. N., Phi, G. T., & Le, A. (2022). *Vietnam Tour Operators and Responsible Tourism: a Behavioural Approach.* In Vietnam Tourism: Policies and Practices (151-163). GB: CABI. https://doi.org/10.1079/9781789242782.0010

Carasuk, R., Becken, S. & Hughey, K. F. (2016). Exploring Values, Drivers, and Barriers as Antecedents of Implementing Responsible Tourism. *Journal of Hospitality & Tourism Research 40* (1): 19–36. https://doi.org/10.1177/1096348013491607

Caruana, R., Glozer, S., Crane, A., & McCabe, S. (2014). Tourists' account of responsible tourism. *Annals of Tourism Research, 46*, 115–129. https://doi.org/10.1016/j.annals.2014.03.006

Chao, Y. L. (2012). Predicting people's environmental behaviour: Theory of planned behaviour and model of responsible environmental behaviour. *Environmental Education Research, 18*(4), 437-461. https://doi.org/10.1080/13504622.2011.634970

Choi, Y.E.; Doh, M.; Park, S.; Chon, J. (2017). Transformation Planning of Ecotourism Systems to Invigorate Responsible Tourism. *Sustain. J. Rec. 9*, 22-48. https://doi.org/10.3390/su9122248

Diallo, M. F., Diop S. F., Leroux, E., & Valette, F. P. (2015). Responsible behavior of tourists: The role of social commitment. *Research and Applications in Marketing, 30*(3), 88–108. https://doi.org/10.1177/2051570715594134

Dogru, T., Akyildirim, E., Cepni, O., Ozdemir, O., Sharma, A., & Yilmaz, M. H. (2022). The effect of environmental, social and governance risks. *Annals of Tourism Research, 95*, 103432. https://doi.org/10.1016/j.annals.2022.103432

Eichelberger, S., Heigl, M., Peters, M., Pikkemaat, B. (2021). Exploring the Role of Tourists: Responsible Behavior Triggered by the COVID-19 Pandemic. *Sustainability 13*, 5774. https://doi.org/10.3390/su13115774

Elgaaied, L., Bernard, Y., & Bertrandias, L. (2013). The endorsement of responsibility, a key to the

effectiveness of environmental labels. *Proceedings of the 20th congress of the French Marketing* Association, 19-20, La Rochelle.

Farmaki, A., Constanti, P., Yiasemi, I., & Karis, P. (2014). Responsible tourism in Cyprus: The rhetoric and the reality. *Worldwide Hospitality and Tourism Themes, 6*(1), 10–26. https://doi.org/10.1108/WHATT-10-2013-0041

Fennell, D. (2006). *Tourism ethics*. Clevedon: Channel View Publications. https://doi.org/10.21832/9781845410360

Fiorello, A. (2011). Household waste sorting behavior: a marketing approach. *University of Nice-Sophia Antipolis* (PhD thesis in management sciences).

Frey, N., & George, R. (2010). Responsible tourism management: The missing link between business owners' attitudes and behavior in the Cape Down tourism industry. *Tourism Management, 31*, 621–628. https://doi.org/10.1016/j.tourman.2009.06.017

Garvey, A. M., & Bolton, L. E. (2017). Eco-product choice cuts both ways: How pro-environmental licensing versus reinforcement is contingent on environmental consciousness. *Journal of Public Policy & Marketing, 36*(2), 284–298. https://doi.org/10.1509/jppm.16.096

Gong, J., Detchkhajornjaroensri, P., & Knight, D. (2019). Responsible tourism in Bangkok, Thailand: Resident perceptions of Chinese tourist behaviour. *The International Journal of Tourism Research, 21*(2), 221–233. https://doi.org/10.1002/jtr.2256

Goodwin, H. (2016). *Responsible Tourism 2nd edition. Oxford*: Goodfellow Publishers. https://doi.org/10.23912/978-1-910158-84-5-3101

Goodwin, H., & Francis, J. (2003). Ethical and responsible tourism: Consumer trend in the UK. *Journal of Vacation Marketing, 9*(3), 271–284. https://doi.org/10.1177/135676670300900306

Grossmann, K., Connolly, J. J., Dereniowska, M., Mattioli, G., Nitschke, L., Thomas, N., & Varo, A. (2021). From sustainable development to social-ecological justice: Addressing taboos and naturalizations in order to shift perspective. *Environment and Planning E: Nature and Space*. 25148486211029427.

Hair, J. F., Risher, J. J., Sarstedt, M., & Ringle, C. M. (2019). When to use and how to report the results of PLS-SEM. *European business review, 31*(1), 2-24. https://doi.org/10.1108/EBR-11-2018-0203

Hu, H.H.S. & Sung, Y.K. (2022). Critical Influences on Responsible Tourism Behavior and the Mediating Role of Ambivalent Emotions. *Sustainability, 14* (2), 1-16. https://doi.org/10.3390/su14020886

Kim, G., Jodice, L. W., Duffy, L. N., & Norman, W. C. (2020). Tourists' attitudes toward the benefits of mariculture: A case of decision-making in marine tourism in Southeast USA. *Tourism in Marine Environments, 15*(1), 29-45. https://doi.org/10.3727/154427320X15781713928749.

Lee, H.Y.; Bonn, M.A.; Reid, E.L.; Kim, W.G (2017). Differences in tourist ethical judgment and responsible tourism intention: An ethical scenario approach. *Tour. Manag., 60*, 298–307. https://doi.org/10.1016/j.tourman.2016.12.003

Leslie, D. (2013). *Responsible tourism: Concepts, theory and practice*. Wallingford, UK: CABI. https://doi.org/10.1079/9781845939878.0000

Mathew, P. V., & Kuriakose, V. (2017). "A Study on the Indicator Framework of Responsible Tourism in Tourism Accommodation Sector." *Asian Journal of Management 8* (4): 989–996. https://doi.org/10.5958/2321-5763.2017.00153.6

Medina, L. K. (2005). Ecotourism and certification: Confronting the principles and pragmatics of socially responsible tourism. *Journal of Sustainable Tourism, 13*(3),281–295. https://doi.org/10.1080/01434630508668557

Mihalic, T. (2016). Sustainable-responsible tourism discourse—Towards 'responsustable' tourism. *J. Clean. Prod., 111*, 461–470. https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2014.12.062

Mondal, S., & Samaddar, K. (2021). Responsible tourism towards sustainable development: Literature review and research agenda. *Asia Pacific Business Review, 27* (2), 229–266. https://doi.org/10.1080/13602381.2021.1857963

Nguyen, P. M., Vo, N. D., To, Q. L., & Dinh, V. T. (2022). Toward Responsible Tourism in Vietnam: Critical Review and Implications for Future Research. *Global Changes and Sustainable Development in Asian Emerging Market Economies 1*, 605-621. https://doi.org/10.1007/978-3-030-81435-9_41

Nguyen, T.K.L. (2021). Internayion experiences in responsibility development in Vietnam, Journal of Science & Technology, 57, (2), 153-160.Nguyen, T.T.N. (2018). Research on tourists' perception of responsible tourism in Hue city. The First *International Conference on "Sustainable Tourism Development in Central Vietnam and Asean", Vietnam.* 345-365.

Nguyen, T.T.N., Erdélyi, E & Formádi, K. (2018), Investigation into responsible tourism tours in Budapest, Hungary. *WIT Transactions on ecology and the environment, 227*, 141-150. https://doi.org/10.2495/ST180141

Nguyệt, P.T.T, (2021). Khảo sát nhận thức của giới trẻ về nguyên tắc ứng xử du lịch có trách nhiệm tại điểm đến, *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ- Khao học và xã hội nhân văn, 3* (2), 63-71.

Olga, D. & Aneta, O. J., (2014), Responsible tourism in Poland, *Tourism and Hospitality Industry section4-1*, University of Rijeka, Faculty of Tourism and Hospitality Management. 189-202.

Panwanitdumrong, K. & Cheng, C. L., (2021). *Investigating factors influencing tourists' environmentally responsible behavior with extended theory of planned behavior for coastal tourism in Thailand*. Mar Pollut Bull. https://doi.org/10.1016/j.marpolbul.2021.112507

Parikshat, S. M.; Ramjit, S.; Gyula, F.; Sándor, B. Mudasir, A. M., Lóránt, D. D., (2021), Examination of impact of responsible tourism practices on quality of life of destination communities. *GeoJournal of Tourism and Geosites, 36* (2), 688-697. https://doi.org/10.30892/gtg.362spl17-699

Pratama, I. G. S., & Mandaasari, I. C. S. (2020). The impact of tourism development on the economic, cultural and environmental aspects of local communities. *International Research Journal of Management, IT and Social Sciences, 7*(1), 31–36. https://doi.org/10.21744/irjmis.v7n1.819

Prendergast, G. P. & Tsang, A. S. L. (2019). Explaining socially responsible consumption. *Journal of Consumer Marketing 36*(2). 146-154. https://doi.org/10.1108/JCM-02-2018-2568

Purnamawati, I. G. A., Jie, F., & Hatane, S. E. (2022). Cultural change shapes the sustainable development of religious ecotourism villages in Bali, Indonesia. *Sustainability, 14*(12), 7368. https://doi.org/10.3390/su14127368

Song, S. Y., & Kim, Y. K. (2018). "Theory of Virtue Ethics: Do Consumers' Good Traits Predict Their Socially Responsible Consumption?" *Journal of Business Ethics 152* (4): 1159–1175. https://doi.org/10.1007/s10551-016-3331-3

Stanford, D. (2008). 'Exceptional visitors': Dimensions of tourist responsibility in the context of New Zealand. *Journal of Sustainable Tourism, 16*(3), 258–275. https://doi.org/10.1080/09669580802154082

Tao, C., Eagles, P. F. J., & Smith, S. L. J. (2004). Profiling Taiwanese ecotourists using a self-definition approach. *Journal of Sustainable Tourism, 12*(2), 149–168. https://doi.org/10.1080/09669580408667230

Trang, H. L. T., & Thảo, P. T. P. (2018). Ứng dụng lý thuyết hành vi theo kế hoạch phân tích ý định hành vi du lịch có trách nhiệm về bảo vệ môi trường của du khách nội địa tại thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, 54*(9), 124-132. https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.189

Um, J., & Yoon, S. (2020). Evaluating the Relationship Between Perceived Value Regarding Tourism Gentrification Experience, Attitude, And Responsible Tourism Intention. *Journal of Tourism and Cultural Change*, 1-17. https://doi.org/10.1080/14766825.2019.1707217

Vu, M.C (2015), "Responsible Tourism: from Theory to Practice – a long Journey, and Implication for Vietnam", *ICFE 2015 - The International Conference on Finance and Economics*, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Wang, C., Zhang, J., Yu, P. & Hu, H. (2018). "The Theory of Planned Behavior as a Model for Understanding Tourists' Responsible Environmental Behaviors: The Moderating Role of \ Environmental Interpretations*." Journal of Cleaner Production 194*: 425–434. https://doi.org/10.1016/j.jclepro.2018.05.171

Wu, J., Wu, H. C., Hsieh, C. M., & Ramkissoon, H. (2022). Face consciousness, personal norms, and environmentally responsible behavior of Chinese tourists: Evidence from a lake tourism site. *Journal of Hospitality and Tourism Management, 5*0, 148–158. https://doi.org/10.1016/j.jhtm.2022.01.010

Zhao, M., Dong, S. H. C., Wu, Y, Li, T., Xia, B. S. and Guo, X. (2018). "Key Impact Factors of Visitors' Environmentally Responsible Behaviour: Personality Traits or Interpretive Services? A Case Study of Beijing's Yuyuantan Urban Park, China." *Asia Pacific Journal of Tourism Research 23* (8): 792–805. https://doi.org/10.1080/10941665.2018.1493518